

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM	7:25	0	0+0		1	0+0	CAPCUU
2									MRM TRA PHI

TTBDSX

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RP3	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
2		P4+MRM+PPD	7:25	9+1+12	0+0+0		3+4+14	0+0+0	
3		TD1+PPD+P1+BK5	9:25	6+13+1+1	0+0+0+0		4+12+1+1	0+0+0+0	NGUOI NHA BK5
4		TD2+P7+P4	9:25	6+1+15	0+0+0		0+6+15	0+0+0	chuyen 1 p7- p4

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2023	TO: RP1 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:15
CAM - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC HẬU	RP1	90	1	8	51	64	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN ANH	RP1	81	1	10	15	65	CODIEN	Vietnamese
3	GARIFULIN FLORID	RP1	800	1	14		85	XAYLAP	Russian
4	HOÀNG THANH HÒA	RP3	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN HÙNG	RP3					79	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	29	1	5		81	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					65	KHI	Vietnamese
8	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	25	1	3		68	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	30	1	4		66	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	21	1	7		82	KHI	Vietnamese
11	PHẠM DUY DŨNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
12	NGÔ THANH LÂM	RP3	26	1	3		69	KHI	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	20	1	3		68	KHI	Vietnamese
14	TẠ PHI KHANH	RP3	31-32	2	27		71	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUÔNG	RP3				50	76	KHI	Vietnamese
16	LAM TIEN PHI	RP3	27	1	5		85	KHI	Vietnamese
17	PHẠM TRUNG DŨNG	RP3	33-35	3	13		79	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG KIẾN	RP3	23	1	7		62	KHI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TIÊU	RP3	24	1	6		73	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	40	1	3		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VIET HA	RP3	36	1	10		70	PSV	Vietnamese
22	TRỊNH VĂN THĂNG	RP3	22	1	5		81	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	3	3	32	214	66	0		
2	RP3	19	18	106	1.373	50	22		
TOTAL		22	21	138	1.587	116	22		
WEIGHT KG				138	1.587	116			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

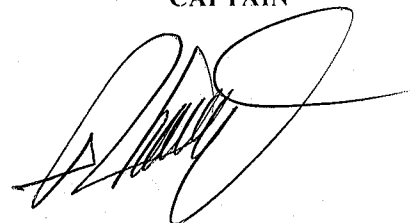
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: P4 - MRM - PPD	CREW: QViệt - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ PHI HỒ	P4	03	1	10		88	PVCHEM	Vietnamese
2	ĐÌNH KHẮC HAI	P4	04	1	6		75	PVCHEM	Vietnamese
3	ĐÌNH KHẮC HÙNG	P4	02	1	7		70	PVCHEM	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC ANH	P4	05	1	12	10	73	PVCHEM	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC MINH	P4	01	1	3	53	70	KH-THAC	Vietnamese
6	ZHURBIN N.B	P4	07-08	2	15		93	KHI	Russian
7	LUƠNG TUẤN CHUNG	P4	11	1	6		75	KHI	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	09-10	2	16		78	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	06	1	5		56	KHI	Vietnamese
10	DMITRII MIKHAILOV	MRM	17	1	11		108	HALLIBUR	Russian
11	LÂM QUANG NAM	PPD	13	1	9		78	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	16-17	2	13		75	KHI	Vietnamese
13	ĐÌNH THẾ QUÂN	PPD	18	1	4		67	KHI	Vietnamese
14	PHAN VĂN TÙNG	PPD	11	1	8		84	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	12	1	5		52	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	19	1	5		72	KHI	Vietnamese
17	PHÙNG VĂN CHÍNH	PPD	20-21	2	15		78	KHI	Vietnamese
18	VÕ TẠ QUANG	PPD	35	1	6		73	KHI	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	23	1	9		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	22	1	8		91	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	14	1	6		69	KHI	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN BAN	PPD	15	1	5		78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

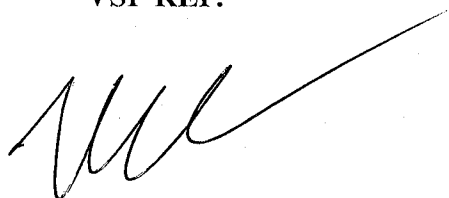
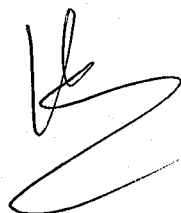
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	11	80	678	63	3		
2	MRM	1	1	11	108	0	4		
3	PPD	12	14	93	887	0	14		
TOTAL		22	26	184	1.673	63	21		
WEIGHT KG				184	1.673	63			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2023	TO: TD1 - PPD - PI - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QViệt - ĐNam - QTrường	ETA: 11:20
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YUKHIMCHUCK	TD1	97	1	10		82	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD1	98	1	13	13	74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN AN NINH	TD1	99	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HIỂU	TD1	200	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH TUẤN	TD1	94	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG PHƯƠNG NAM	TD1	95-96	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG THAI	PPD	03	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TRONG ĐẠI NGHĨA	PPD	05	1	6		78	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	20	1	7		89	KHI	Vietnamese
10	TRẦN SƠN HAI	PPD	17	1	7		76	KHI	Vietnamese
11	HOÀNG HUY TIỀN	PPD	09	1	4		60	KHI	Vietnamese
12	HUỲNH NAM LONG	PPD	10	1	13		74	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HUỲNH	PPD	16	1	4		50	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	PPD	15	1	9		71	KHI	Vietnamese
15	ĐẠO VIỆT HÙNG	PPD	14	1	11		61	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG THANH	PPD	08	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	PPD	04	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	06-07	2	13		84	KHI	Vietnamese
19	NGO SỸ PHÚ	PPD	18-19	2	14		73	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG HIỂU	PI	76	1	7	20	88	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HUU NGHIÊM	BK5	37,54	2	7		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	7	70	436	13	4		
2	PPD	13	15	105	938	0	12		
3	PI	1	1	7	88	20	1		
4	BK5	1	2	7	57	0	1		
TOTAL		21	25	189	1.519	33	18		
WEIGHT KG				189	1.519	33			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	TO: TD2 - P7 - P4	CREW: Dương - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD2	49	1	11		78	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG	TD2	51	1	15	30	78	DVL	Vietnamese
3	HOÀNG ĐĂNG THIÊN	TD2	50	1	12		72	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC BẢO	TD2	47-48	2	16		83	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD2	52	1	9		67	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HIỆP	TD2	46	1	15		78	DVL	Vietnamese
7	LÊ VĂN QUYÊN	P7	49	1	6	20	57	PSV	Vietnamese
8	BUI HUU LAN	P4	48	1	4		81	KHI	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
10	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	51	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	P4	40	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	TẠ VĂN QUYNH	P4					74	KHI	Vietnamese
13	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	41	1	6		80	KHI	Vietnamese
14	VŨ NGỌC TUÂN	P4	52	1	5		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	42	1	6		68	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ HUY	P4	44	1	7	30	70	KHI	Vietnamese
17	PHẠM THỊ TRƯỞNG	P4	45-46	2	9		78	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ VIỆT LONG	P4	50	1	12		60	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	P4	53-54	2	18		99	CODIEN	Vietnamese
20	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P4	47,49	2	15		61	DVL	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN AI	P4	43	1	5		61	PSV	Vietnamese
22	HOANG VAN TRONG	P4	39	1	4		107	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	7	78	456	30	0		CHUYEN 1 PAX P7-P4
2	P7	1	1	6	57	20	6	1	
3	P4	15	16	101	1.117	30	15		
TOTAL		22	24	185	1.630	80	21		
WEIGHT KG				185	1.630	80			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

